

TCT CP BIA - RƯỢU - NGK HÀ NỘI
CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI – QBÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *04* /CV – BQB
“V/v công bố Quy chế công bố thông tin ”

Đồng Hới, ngày 14 tháng 01 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Công ty: Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình

Mã chứng khoán: BQB

Địa chỉ trụ sở chính: TDP13, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 0232.3822365 Fax: 0232.3840721

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Thanh Thanh

Chức vụ: Người được ủy quyền công bố thông tin.

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/01/2025 tại địa chỉ <https://biaquangbinh.com>

Chúng tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, QLCD

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

 *Thanh Thanh*

Nguyễn Thị Thanh Thanh

Số: 01/NQ-HĐQT

Đông Hới, ngày 13 tháng 1 năm 2025

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI-QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung thông qua ngày 24/04/2024;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị ngày 12/1/2025;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Bản Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình có 5 chương, 20 điều.

Bản Quy chế công bố thông tin kèm theo.

Điều 2. Các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BKS;
- Lưu: VTh, TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trường Thắng

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01 /NQ-HĐQT ngày 12/1/2025
của Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Hà Nội – Quảng Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, các nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với:

1. Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình, gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, các kiểm soát viên, Kế toán trưởng, các Phòng, Ban, và các cá nhân là cán bộ, nhân viên của Công ty có liên quan đến việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Công ty.

3. Người có liên quan đến đối tượng công bố thông tin.

Điều 3: Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Công ty”: là Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình.

2. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty và người nội bộ của Công ty;

b) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Tổng công ty;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

c) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

4. Người nội bộ của Công ty là:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Thành viên Hội đồng quản trị;

c) Người đại diện theo pháp luật;

d) Giám đốc;

e) Phó giám đốc;

f) Kế toán trưởng;

g) Các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

h) Trưởng Ban kiểm soát;

i) Thành viên Ban kiểm soát;

j) Thư ký Tổng công ty;

k) Người phụ trách quản trị Tổng công ty

l) Người được ủy quyền công bố thông tin.

5. Ngày công bố thông tin: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

6. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin: là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

7. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

8. "Điều lệ" là điều lệ của Công ty.

9. “Công bố thông tin định kỳ” là việc Công ty công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định pháp luật.

10. “Công bố thông tin bất thường” là việc Công ty công bố thông tin trong một thời hạn được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường.

11. “Công bố thông tin theo yêu cầu” là việc Công ty công bố thông tin khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc theo yêu cầu của nơi cổ phiếu của Tổng công ty được niêm yết giao dịch tập trung.

12. “Báo cáo thường niên” là báo cáo tổng thể về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tổ chức và nhân sự, thông tin về cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty được lập hàng năm và công bố theo định kỳ.

13. “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

14. “SGDCK” là Sở Giao dịch chứng khoán, nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tập trung.

Điều 4: Nguyên tắc công bố thông tin:

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và đảm bảo.

a. Đối tượng công bố thông tin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b. Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, Tổng công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;

c. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin thực hiện đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Tổng công ty sẽ thực hiện gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.

3. Thực hiện trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ được lưu giữ dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này đồng thời được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.

5. Ngôn ngữ thông tin Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định pháp luật thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 5: Người thực hiện công bố thông tin:

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

a) Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC¹.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là tổ chức tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện theo quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và pháp luật.

3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (Tổng công ty, Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc tổ chức khác) theo quy định pháp luật hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

¹ Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDCK Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

Nhà đầu tư là cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân và của người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

4. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư số 96/2020TT-BTC và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

c)

Điều 6: Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin gồm:

- a, Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b, Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS;
- c, Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội – Hệ thống CIMS;
- d, Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- e, Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...)

2. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên website của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật sau ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

3. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

4. Công ty sử dụng trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định sau:

a, Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b, Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật;

c. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo cho nhà đầu tư tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó;

Điều 7: Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (như thiên tai, hoả hoạn,...) Trong trường hợp tạm hoãn, đối tượng công bố thông tin thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay sau khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 8: Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo nguyên tắc sau:

a, Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b, Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty;

c, Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không được vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

2. Báo cáo tài chính bán niên:

Công ty thực hiện công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

a, Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ” trình bày số liệu trong 6 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán là không đạt yêu cầu;

b, Thời hạn công bố: Công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính;

3. Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét

a, Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 điều này. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b, Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Công ty công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

4. Khi công bố thông tin các loại báo cáo tài chính nêu tại khoản 1,2,3 Điều này, Công ty đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b, Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c, Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

5. Báo cáo thường niên:

Công ty lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này trong thời

hạn **20 ngày** kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá **110 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

6. Báo cáo tình hình quản trị Công ty:

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

a, Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b, Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty công bố trên website của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm:

- Thông báo mời họp;
- Chương trình họp, phiếu biểu quyết;
- Các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

c, Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;

d, Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

8. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Công ty công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, SGDCK, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

9. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn:

a) Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết đăng ký giao dịch và sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán: Trong thời hạn **07 ngày làm việc** kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực/kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị đình chỉ hoặc hủy bỏ, Tổng

công ty công bố Bản thông báo phát hành/công bố việc đình chỉ hoặc hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba số liên tiếp. Bản thông báo phát hành và Bản cáo bạch chính thức cũng phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và SGDCK; Mẫu Bản thông báo chào bán theo Mẫu tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT-BTC. Mẫu Bản cáo bạch theo Mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT-BTC.

b) Công ty báo cáo kết quả đợt chào bán chứng khoán cho UBCKNN và công bố thông tin trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Tài liệu báo cáo và công bố thông tin về kết quả chào bán bao gồm:

(i) Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán theo mẫu tại Phụ lục số 21 và 23 ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT-BTC.

(ii) Xác nhận của Ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán.

c) Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, **định kỳ 06 tháng** kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, công ty đại chúng phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng **10 ngày** kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin nội dung thay đổi trên website của Tổng công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Công ty công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

10. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất tính đến năm báo cáo

a) Công ty xây dựng báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất tính đến năm báo cáo. Báo cáo đánh giá phải nêu nhận xét, phân tích về tình hình thực hiện, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tính đến thời điểm báo cáo và các giải pháp nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm kế tiếp.

b) Công ty thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất. Thời hạn công bố trước **ngày 20 tháng 6** của năm liền sau năm thực hiện báo cáo.

11. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác;

Công ty phải xây dựng báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội (nếu có). Tổng công ty thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác (nếu có). Thời hạn công bố trước ngày 20 tháng 6 của năm liền sau năm báo cáo.

Điều 9: Công bố thông tin bất thường

1. Công ty thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a, Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay

đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

j) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Tổng công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.

2. Khi công bố thông tin nêu tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Tổng công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 10: Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong những trường hợp sau đây, Công ty thực hiện công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

a, Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư,

b, Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó;

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCK, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

a) Trong thời hạn **07 ngày làm việc** kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK Việt Nam các nội dung theo quy định, gồm: Mục đích mua lại, tổng số lượng cổ phiếu đăng ký mua lại, nguồn vốn thực hiện mua lại, phương thức giao dịch; thời gian dự kiến thực hiện; nguyên tắc xác định giá (khoảng giá). Công ty được thực hiện mua lại cổ phiếu sau 07 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin.

b) Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, Công ty phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo mẫu tại Phụ lục số 36 ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT-BTC. Trong trường hợp Công ty không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, Tổng công ty phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.

c) Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

d) Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán

tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 12: Công bố thông tin việc phát hành thêm cổ phiếu

1. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu, Công ty phải công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc phát hành theo thời hạn như sau:

a, Đối với trường hợp phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất là 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT – BTC.

b, Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng theo mẫu tại Phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT – BTC.

2. Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin ra công chúng theo thời hạn như sau:

a, Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 28 ban hành kèm theo Thông tư 118/2020/TT – BTC.

b, Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động theo mẫu tại phụ lục số 29 ban hành kèm theo Thông tư 118/2020/TT – BTC. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu phải kèm theo danh sách người lao động tham gia chương trình trong đó nêu cụ thể về số lượng cổ phần của từng người lao động được tham gia.

3. Công ty tiến hành đăng ký niêm yết, giao dịch bổ sung với Sở Giao dịch chứng khoán đối với số lượng cổ phiếu đã phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi thông báo kết quả phát hành cho Công ty.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 13. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Tổng công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn của Tổng công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng cho Tổng công ty, UBCKNN và SGDCK theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Tổng công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Tổng công ty trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày có sự thay đổi theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn, việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty đại chúng phát hành thêm cổ phiếu.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan đến người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK, Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 hoặc Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC này;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyên đổi, quyền mua trái phiếu chuyên đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục 15 hoặc Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 13 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 13 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Tổng công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty của Tổng công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Tổng công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Điều 15: Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Cá nhân, tổ chức khi đăng ký chào mua công khai phải đính kèm Hồ sơ Bản công bố thông tin chào mua công khai theo mẫu số 24 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai, tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào mua công khai cho UBCKNN, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức chào mua công khai (nếu có), đại lý chào mua công khai, SGDCK. Báo cáo kết quả chào mua công khai được lập theo mẫu tại Phụ lục số 25 ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT-BTC.

Chương IV
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 16: Quy trình công bố thông tin

Việc công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo quy trình sau:

1. Sơ đồ quy trình công bố thông tin:

Bước	Trách nhiệm	Trình tự thực hiện
1	Các đơn vị của Công ty	Gửi thông tin ↓
2	Người được uỷ quyền công bố thông tin	Xử lý thông tin ↓
3	Người được uỷ quyền công bố thông tin	Báo cáo người đại diện theo pháp luật ↓
4	Người được uỷ quyền công bố thông tin	Báo cáo và công bố ↓
5	Bộ phận Văn thư lưu trữ	Bảo quản và lưu trữ văn bản công bố thông tin ↓

2. Diễn giải:

Bước 1: Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các đơn vị thuộc Công ty phải tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố và gửi đến Người được uỷ quyền công bố thông tin. Thời hạn các đơn vị gửi tài liệu và thông tin cần công bố cho Người được uỷ quyền công bố thông tin như sau:

- Đối với thông tin công bố định kỳ: Chậm nhất 02 ngày làm việc trước thời hạn công bố thông tin theo quy định tại phần I của Thông báo này.

- Đối với thông tin bất thường, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, thông tin cung cấp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc Sở Giao dịch chứng khoán: Trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện, Trường các đơn vị thuộc Công ty (nơi phát sinh thông tin cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho Người được uỷ quyền công bố thông tin.

- Đối với các thông tin cần công bố khác: Chậm nhất 01 ngày làm việc trước thời hạn phải công bố thông tin.

Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các đơn vị thuộc Công ty cung cấp, Người được uỷ quyền công bố thông tin trong trường hợp xét thấy nếu cần thiết, có thể đề nghị các đơn vị thuộc Công ty điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp nội dung của Quy chế này và quy định của pháp luật liên quan trong thời hạn công bố thông tin theo quy định.

Bước 3: Báo cáo Người đại diện theo pháp luật

Người được uỷ quyền công bố thông tin báo cáo người đại diện theo pháp luật các thông tin công bố.

Bước 4: Báo cáo và công bố

Người được uỷ quyền công bố thông tin, Phòng Hành chính – Tổng hợp Công ty gửi văn bản công bố thông tin kèm dữ liệu điện tử đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán theo đúng thời hạn quy định, đồng thời đăng tải nội dung công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Bước 5: Bảo quản và lưu trữ

- Thông tin sau khi đã được thực hiện báo cáo và công bố sẽ do bộ phận Văn thư lưu trữ;

- Đơn vị chuẩn bị thông tin/đơn vị làm đầu mối (trường hợp nhiều đơn vị cùng tham gia chuẩn bị thông tin) lưu hồ sơ nghiệp vụ tại đơn vị theo quy định về văn thư lưu trữ của Công ty;

- Người được uỷ quyền công bố thông tin, Bộ phận văn thư lưu trữ file dữ liệu điện tử;

Việc lưu trữ nhằm phục vụ việc tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17: Trách nhiệm của người được uỷ quyền công bố thông tin

1. Người được uỷ quyền công bố thông tin là đầu mối thu thập các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

2. Chức năng và nhiệm vụ của người được uỷ quyền công bố thông tin:

a, Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, mẫn cán, có kiến thức về kế toán, tài chính và có kỹ năng nhất định về tin học.

b, Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

c, Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông về các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.

d, Chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư và người có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Điều chỉnh thông tin công bố:

Trường hợp sau khi thực hiện công bố thông tin, Công ty nhận được ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin công bố, người được uỷ quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và yêu cầu đơn vị chuẩn bị thông tin thực hiện bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin đó trong vòng 48 giờ, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin theo quy định.

Điều 18: Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng, phân xưởng trong việc cung cấp thông tin cho người được uỷ quyền công bố thông tin

1. Các đơn vị thuộc Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cần được công bố cho Người được uỷ quyền công bố thông tin theo nội dung Quy chế này và bảng phân công thực hiện tại Phụ lục số 01 kèm theo Quy chế này.

Trưởng các đơn vị thuộc Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người được uỷ quyền công bố thông tin.

Đối với thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định tại Điều 8, 9 Quy chế này, Trưởng các đơn vị (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho người được uỷ quyền công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

2. Người được uỷ quyền công bố thông tin tổng hợp các thông tin, trình Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty phê duyệt: Nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện, phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện công bố các thông tin theo quy định.

3. Người được uỷ quyền công bố thông tin có trách nhiệm giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Giám đốc kết quả thực hiện.

Điều 19: Tổ chức thực hiện - Xử lý vi phạm

1. Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán trước khi thực hiện.

2. Quy chế công bố thông tin này được phổ biến đến toàn bộ các phòng ban và cán bộ nhân viên của Công ty.

3. Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi không thực hiện các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đồng thời bồi thường theo quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 20: Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.

2. Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, các Phòng, các Phân xưởng và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến những nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.

4. Trong quá trình thực hiện quy chế, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

5. Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trường Thắng